

GV : TRẦN THỊ HOA

DẠY LỚP 12/5,11

Ngày soạn: 25/12/2025

TIẾT 48 ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC 2025 - 2026

A. BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

TT	Yêu cầu kiểm tra	Số câu	Cấp độ tư duy						
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
			Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Đọc hiểu	5	2	15%	2	15%	1	10%	40%
2	Viết	2		25%		10%		25%	60%
Tỉ lệ %				35%		25%		35%	
Tổng		6		100%					

B. KIẾN THỨC CHUNG

I. KIẾN THỨC VỀ THỂ LOẠI

BÀI 1. KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT (Xem lại đề cương ôn tập giữa học kì 1)

BÀI 2. NHỮNG THỂ GIỚI THƠ (Xem lại đề cương ôn tập giữa học kì 1)

BÀI 3. LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

BÀI 4. YẾU TỐ KÌ ẢO TRONG TRUYỆN KỂ

Thể loại		Yếu tố kì ảo trong truyện kể
Các văn bản đã học		- <i>Hải khẩu linh từ – Đèn thiêng cửa bể</i> (Trích – Đoàn Thị Điểm) - <i>Muối của rừng</i> (Trích – Nguyễn Huy Thiệp)
Đặc điểm thể loại	Truyện truyền kì	- Truyện truyền kì là thể loại văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ văn học Trung Quốc được tiếp nhận và phát triển ở các nước thuộc khu vực chịu ảnh hưởng văn hoá Hán. Thuật ngữ truyền kì xuất hiện vào cuối đời Đường, dùng để định danh một loại truyện mới, được phát triển từ loại truyện chí quái, chí dị vốn hình thành trước đó. - Truyện truyền kì phát triển trên nền tảng thần thoại, truyền thuyết,... của văn học dân gian và những tin ngưỡng văn hoá trong đời sống tinh thần của các dân tộc. - Trong truyện truyền kì yếu tố kì ảo được sử dụng như một phương thức nghệ thuật có tính đặc thù nhằm thể hiện các vấn đề của thực tại.

Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì	- Trong truyện truyền kì, yếu tố kì ảo hiện diện ở mọi thành phần cấu tạo chủ yếu của tác phẩm như nhân vật, sự việc và cả ở thủ pháp nghệ thuật. + Nhân vật kì ảo. Nhân vật có thể có năng lực siêu nhiên, xuất thân kì lạ, diện mạo khác thường, hành tung biến hoá... Trong truyện truyền kì, nhân vật kì ảo và nhân vật phàm trần đối thoại, tương tác với nhau một cách tự nhiên, không có sự cách biệt. Thân phận (khác thường, lạ lùng) của con người cũng trở thành một đối tượng phản ánh đặc biệt, nhằm thể hiện các ý niệm, khắc họa bức tranh phong phú về đời sống. Nếu như nhân vật trong thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích và truyện chỉ quái thuộc về một tuyến nhất định (xấu - tốt, cao cả - thấp hèn, và có tính chức năng (do vậy mà hành động khá đơn điệu) thì nhân vật trong truyện truyền kì được chú trọng xây dựng với những góc cạnh đa dạng, thể hiện dụng ý nghệ thuật thâm thúy.
	+ Sự việc kì ảo. Các biến cố, sự kiện, hành động kì ảo liên kết với nhau thành chuỗi, tạo nên cốt truyện có tính chất li kì, huyền hoặc. Sự việc kì ảo thường xảy ra trong một không gian và thời gian khác lạ, bất thường. Về không gian, có không gian cõi tiên với cảnh tượng kì thú, không gian âm phủ với khung cảnh hãi hùng, thiên nhiên sóng cuộn gió gào gọi cảm giác sợ hãi... Về thời gian, có thời gian ban đêm mang đến ấn tượng huyền bí, thời gian hư ảo gợi ấn tượng về sự tĩnh tại, vĩnh hằng... Cốt truyện của truyện truyền kì thường gắn chặt với các yếu tố văn hoá, tín ngưỡng, truyền thống lịch sử... của từng dân tộc + Thủ pháp nghệ thuật. Sự kết hợp linh hoạt giữa yếu tố kì ảo (thường được nhận diện tương đối gồm kì – kì lạ, khác thường, siêu phàm và quái - quái dị, ma quỷ, yêu tinh,...) với yếu tố thực là thủ pháp quan trọng của truyện truyền kì. Biểu hiện cụ thể là sự hoà trộn không gian các cõi (thần tiên, trần tục, âm phủ), sự thống nhất về thời gian thực và mộng, biến động xoay vần và tĩnh tại bất biến. Việc sử dụng giấc mộng, đan xen thực tại với hồi ức cũng là thủ pháp khá phổ biến giúp các tác giả tạo dựng nên một thế giới nghệ thuật có tính phức hợp - Truyện truyền kì chủ yếu hướng đến các nội dung xã hội - lịch sử. Do đó, yếu tố kì ảo được tác giả sử dụng như một phương thức nhằm lí giải một nội dung hiện thực nhất định, yếu tố kì ảo tham gia vào câu chuyện đã tạo nên sự lôi cuốn, sức hấp dẫn, sự li kì của tác phẩm. Trong truyện hiện đại, yếu tố kì ảo vẫn được các nhà văn tiếp tục khai thác, sử dụng theo nhiều cách thức khác nhau.

Đặc điểm ngôn ngữ trong truyện truyền kì	- Truyện truyền kì thường có sự đan xen tản văn với biền văn và vận văn. Trong một truyện, có thể xuất hiện nhiều "tác phẩm" biền văn hoặc thơ ca được dẫn một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, phụ thuộc vào tình tiết, diễn biến của câu chuyện hoặc đối thoại giữa các nhân vật. - Những đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ truyện truyền kì: + Thường sử dụng lối nói so sánh - ẩn dụ, ưa hình thức biểu đạt cầu kì, khoa trương, phóng đại + Chuộng ngôn từ hoa mỹ, dùng nhiều điển cố, hình ảnh biểu trưng...
--	---

BÀI 5. TIẾNG CƯỜI CỦA HÀI KỊCH

Thể loại	Tiếng cười của hài kịch
Các văn bản đã học	- <i>Nhân vật quan trọng</i> (Trích <i>Quan thanh tra</i> – Ni-cô-lai Gô-gôn – Nikolai Gogol) - <i>Giấu của</i> (Trích <i>Quần</i> – Lộng Chương)
Đặc điểm thể loại	Hài kịch
	- Hài kịch là một thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kịch cảm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng. Tiếng cười hài kịch cất lên từ sự vênh lệch, không tương thích giữa mục đích và phương tiện thực hiện, bản chất và biểu hiện, hành

	động và hoàn cảnh, tham vọng cá nhân và các khả năng thực hiện, tức là từ những cái ngô nghĩnh, ngược đời, bất hợp lí. - Hài kịch có thể được triển khai theo các hướng khác nhau tùy theo tính chất của tiếng cười nhằm vào đối tượng: từ tiếng cười bông đùa, hài hước đến tiếng cười châm biếm, mỉa mai hay tiếng cười lật tẩy, tố cáo, đả kích. - Bằng tiếng cười phủ nhận "những thiếu sót không nên có", hài kịch muốn làm thay đổi cách nhìn của người đọc, người xem về một hiện tượng xã hội nào đó, khẳng định lối sống lành mạnh, lạc quan, hợp với lẽ phải và tiến bộ xã hội. Bởi vậy, hài kịch nhất thiết phải đưa ra một kết cục có hậu, vui vẻ đối với người đọc, người xem.
--	---

Nhân vật, tình huống, xung đột, hành động và kết cấu hài kịch	- Nhân vật trong hài kịch là những nhân vật tiêu biểu cho một thói tật đáng cười, đáng phê phán, hoặc những nhân vật thường xuyên lầm lẫn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Nhân vật hài kịch hiếm khi là kẻ cùng hung cực ác, mà phổ biến hơn là người có khiếm khuyết, sai lầm cần khắc phục. Những nhân vật hài kịch như vậy có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu, tô đậm nét đáng cười, chứ không được khai thác qua toàn bộ tiểu sử. Trong hài kịch còn có thể xuất hiện một số nhân vật châm chích, pha trò hài hước, hay nhân vật đại diện cho một lực lượng đối kháng tiến bộ nào đó, song đó thường chỉ là những nhân vật phụ - Tình huống hài kịch là những tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với những toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người. Tình huống hài kịch còn có thể là những tình huống hiểu lầm, trớ trêu, dở khóc dở cười, song không bi đát và luôn có thể được giải quyết tốt đẹp. - Xung đột trong hài kịch thường được xây dựng trên cơ sở mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất, mưu kế tầm thường, bất chấp đạo đức, lẽ phải... (phần nhiều là ảo tưởng) với những chuẩn mực và tiến bộ xã hội. Xung đột trong hài kịch dù căng thẳng đến mấy, cũng luôn có khả năng được giải quyết theo hướng cái xấu, cái không hoàn thiện bị phủ nhận, cái tốt đẹp, tiến bộ được khẳng định. Hành động trong hài kịch chủ yếu là hành động bên ngoài, những toan tính, mưu mô của nhân vật đều bộc lộ hết ra lời (hài kịch không nhấn mạnh trần trối nội tâm – hành động bên trong). Hành động trong hài kịch hướng tới tô đậm nét tính cách chủ đạo của nhân vật hay tính chất cực đoan của những mưu mô, toan tính, chứ không phải làm nổi bật sự kiện, bởi vậy, diễn biến hành động qua mỗi hồi kịch thường mở ra các bình diện khác nhau của cái đáng cười hơn là thúc đẩy xung đột đi tới hồi kết. Kết cấu hài kịch thông thường được tổ chức trên cơ sở một hành động kịch nhất quán: mở đầu bằng việc giới thiệu các nhân vật với thói tật và những toan tính, mưu mô, ảo tưởng của họ, thắt nút theo cách đưa
--	---

		các nhân vật vào tình huống khó xử, đẩy xung đột đi tới đỉnh điểm theo đà thắng thế của toan tính, ảo tưởng, giải quyết xung đột bằng một mưu mẹo hay một yếu tố ngẫu nhiên để bước vào kết thúc với sự sụp đổ của những toan tính, ảo tưởng đáng cười.
	Thủ pháp trào phúng và ngôn từ trong hài kịch	- Thủ pháp trào phúng bao gồm các cách thức bất ngờ làm bật lên tiếng cười giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, hạ thấp đối tượng. Hài kịch thường sử dụng những thủ pháp trào phúng như tạo tình huống hiểu lầm hài hước, trớ trêu, phòng đại cử chỉ, điệu bộ, thôi tạt, tạo tương phản gây cười (hoàn đổi các cảnh, các vị trí nhân vật, đó vật một cách nghịch lí, cải trang lộ liễu, đột ngột biến dạng bất cân xứng,... - Về ngôn từ, cả trong chỉ dẫn sân khấu, cách gọi tên nhân vật, cũng như trong lời đối thoại, độc thoại, hài kịch sử dụng rất nhiều biện pháp như cường điệu, tương phản, lập, nhại, chơi chữ, nói bóng gió, nói lái, nói quá, nói lỡ, nói không ra tiếng,... - Đối thoại trong hài kịch có khi được tổ chức theo kiểu đối chọi chan chát, "ăn miếng trả miếng" trong tình huống các nhân vật tố cáo lẫn nhau, có khi được triển khai xoay quanh tình huống "ông nói gà, bà nói vịt" thể hiện sự lệch kênh về ý thức, cũng có khi đột ngột bỏ lửng lời thoại khiến người đọc, người xem bật cười.

II. KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT

Nội dung thực hành	Khái niệm hay quy tắc cần nắm vững	Ý nghĩa của hoạt động thực hành
1. Biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng	- Nói mỉa: là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập - Nghịch ngữ: là biện pháp tu từ, ở đó người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng, hoặc phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình. + Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong	+ Tác dụng: nhấn mạnh sự phát hiện mới hay cảm nhận, liên tưởng chủ quan của người nói, người viết về một đối tượng vốn có thể được nhìn nhận khác hẳn. + Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa.

	câu hoặc trong các câu khác gần kề.	
2. Tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ	Nắm vững các biện pháp tu từ thường xuất hiện trong thơ: nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ, đối lập.....	Tác dụng của từng biện pháp được sử dụng trong thơ (Hình thức, Nội dung, thái độ, tình cảm của tác giả)
3. Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa	Câu mắc lỗi logic là câu có sự mâu thuẫn giữa các ý được trình bày, lẫn lộn các bình diện khi nói về đối	Nhận biết được lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và đưa ra được cách sửa.
	tượng, đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng Câu mơ hồ là câu khiến người đọc có thể hiểu theo những cách khác nhau	
4. Nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học	Điển cố là những từ ngữ, hình ảnh, hoặc câu chuyện mang tính biểu tượng, thường xuất hiện trong văn học, có nguồn gốc từ các tác phẩm kinh điển, lịch sử, hoặc văn hóa.	Nhận diện được điển cố trong tác phẩm văn học và phân tích được tác dụng của điển cố

3. KIẾN THỨC VIẾT

Kiểu bài	Yêu cầu của kiểu bài	Dàn ý
----------	----------------------	-------

1. Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện	+ Nêu được mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. + Trình bày được các thông tin khái quát về hai tác phẩm truyện. + Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm truyện xét trên một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể theo mục đích và phạm vi đã xác định. + Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết, phù hợp về hai tác phẩm truyện căn cứ vào kết quả so sánh. + Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm truyện thông qua việc so sánh.	- Mở bài: + Giới thiệu hai tác phẩm truyện được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này. - Thân bài: Luận điểm 1. Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... Luận điểm 2. Những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy Luận điểm 3. Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. - Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh..
2. Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ	Mục đích so sánh, đánh giá: Chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng so sánh, từ đó nêu được những giá trị đặc sắc, các yếu tố cách tân và đóng góp mới mẻ của từng tác giả, tác phẩm. - Yêu cầu của kiểu bài: + Giới thiệu ngắn gọn về hai tác phẩm thơ, nêu được những	- Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về hai bài thơ và nêu cơ sở lựa chọn để so sánh, đánh giá. - Thân bài: Cần triển khai các ý: - Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... - Có thể triển khai các nội dung so sánh, đánh giá theo những cách sau: + Cách 1: Lần lượt phân tích từng bài thơ, sau đó chỉ ra điểm tương đồng, sự gặp gỡ và

	cơ sở lựa chọn hai tác phẩm để so sánh, đánh giá. + Làm sáng tỏ những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ được chọn để so sánh; có bằng chứng cụ thể, đa dạng từ hai tác phẩm. + Đưa ra những nhận xét, đánh giá thuyết phục về ý nghĩa và những đóng góp riêng, đặc sắc của mỗi tác phẩm thơ dựa trên các nội dung được so sánh. + Nêu khái quát kết quả và ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá	những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó; đồng thời đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. + Cách 2: Phân tích bài thơ thứ nhất theo các phương diện đã xác định, khi phân tích bài thơ thứ hai sẽ so sánh với bài thơ thứ nhất theo từng phương diện và lí giải nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ, từ đó, đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. + Cách 3: So sánh lần lượt các phương diện đã lựa chọn đối với hai bài thơ, chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt; lí giải nguyên nhân sự tương đồng và khác biệt đó; đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ từ các nội dung so sánh. - Đánh giá: + Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. + Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả - Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá; nêu cảm nhận và ấn tượng của bản thân về các bài thơ.
--	--	--

3. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)	- Nêu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ để bàn luận. - Trình bày được hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng; biết phối hợp hiệu quả các thao tác: chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận nhằm củng cố quan điểm của người viết.	- Mở bài: Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó. - Thân bài: Cần triển khai các ý: - Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận. - Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gọi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành động như thế nào? Cần có những điều kiện gì để tuổi trẻ thực hiện yêu cầu mà vấn đề nêu ra?). - Với từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết.
	- Kết bài gây ấn tượng đối với người đọc, thúc giục tuổi trẻ hành động.	- Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình. - Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề. - Kết bài: Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân.

4. Viết bài văn nghị luận về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học	- Giới thiệu chung về tác phẩm được lựa chọn; mối quan hệ giữa tác phẩm đó với tác phẩm mà nó đã chịu ảnh hưởng. - Chỉ ra và phân tích được các phương diện, khía cạnh chủ yếu của sự tiếp nhận, chịu ảnh hưởng,... trong tác phẩm. Chỉ ra và phân tích được những điểm cách tân, sáng tạo của tác giả khi tiếp nhận ảnh hưởng từ tác phẩm khác. - Đánh giá giá trị của tác phẩm xét trên phương diện tiếp nhận và sáng tạo dựa vào các dẫn chứng cụ thể.	- Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn các thông tin về tác giả, tác phẩm, trọng tâm vấn đề (khía cạnh nào của sự vay mượn – cải biến) mà bài viết bàn luận. - Thân bài: Cần triển khai các ý: Nhận diện về phạm vi, tính chất của việc tiếp nhận, chịu ảnh hưởng. Phân tích, đánh giá sự vay mượn, tiếp nhận, chịu ảnh hưởng trên các phương diện cụ thể. Phân tích, đánh giá những điểm cải biến, sáng tạo của tác giả trong quá trình vay mượn. - Kết bài: Ý nghĩa của việc tìm hiểu về sự vay mượn và cải biến trong tác phẩm. Nêu đánh giá chung và hướng khám phá, tìm tòi tiếp theo.
--	---	---

C. MỘT SỐ CÂU HỎI LUYỆN TẬP

I. DẠNG CÂU HỎI ĐỌC HIỂU

1. Đọc hiểu văn bản truyện

Đề 1. Đọc văn bản sau:

(...) Bữa cơm ngon lành quá. Tâm ngồi ăn dưới con mắt hiền từ và mến thương của mẹ. Các em cô quây quần cả chung quanh, hỏi chuyện chợ búa của chị. Tâm ngắm nghía các nét mặt xinh xẻo, những con mắt ngây thơ long lánh dưới mái tóc tơ của các em: cô thấy lòng đầm ấm và tự kiêu, lòng người chị chịu khó nhọc để kiếm tiền nuôi các em ăn học. Cô hỏi han sách vở của thằng Lân và thằng Ái, học lớp 3 ở trường làng. Ngày trước, thời còn sung túc, cô cũng đã cấp sách đi học, và về nhà lại được ông Tú dạy thêm chữ Nho. Nhưng đã lâu, cô rời bỏ quyển sách để bước chân vào cuộc đời rộng rãi hơn, khó khăn và chật chội. Buôn bán bây giờ mỗi ngày một chật vật, bởi cô ít vốn. Tất cả gánh hàng của Tâm chỉ đáng giá hai chục bạc. Giá nàng có nhiều tiền để buôn vải bán các chợ như Liên... - Thôi, các em đi ngủ đi, mai còn dậy sớm mà đi học chứ.

Lân cười, trả lời chị:

- Mai chủ nhật cơ mà, chị quên rồi à? Tối nay em thức khuya để nói chuyện với chị.

Nhưng một lát sau, trong căn nhà yên tĩnh, chỉ còn Tâm và bà Tú ngồi trên phản: cô kiểm điểm và xếp đặt lại các thứ hàng để mai đi phiên chợ Bằng chính. Những thứ hàng

nhỏ, khác nhau và xinh xắn: cuộn chỉ, bao kim, hộp bút, cúc áo, giấy lơ, một trăm thứ lật vạt qua lại trên ngón tay nhỏ bé của thiếu nữ, vừa quý báu lại vừa ít ỏi. Mỗi thứ đối với Tâm có một linh hồn riêng, và cô hàng lò mờ đoán hiểu trong thâm tâm những khó nhọc và công của đã làm thành chúng. Tâm đã thêm vào vài thức hàng mới, bắt đầu bán được ở chợ: phấn xoa mặt, dầu bôi tóc, và son thoa môi. Cô ngắm nghía trên tay cái ống sáp con bằng đồng – hào rười một cái – đựng một chất đỏ thơm làm thắm tươi môi các thiếu nữ ở trên tỉnh. Đôi khi trong buổi chợ Tâm đã được thấy một vài cô gái tỉnh về quê, da trắng, môi đỏ, lịch sự và sang trọng. Có lần, một đêm khuya, Tâm đã lấy sáp bôi lên môi mình và ngắm trộm bóng trong chiếc gương tròn nhỏ Cô Ba. Cô hơi thẹn thấy bóng mình trong đó, với đôi môi đỏ như sẫm máu... - Độ này, hàng có bán được không, con?

- Thưa u, cũng khá ạ.

Chị Liên bán vải cũng chẳng đẹp bằng. Tâm biết mình xinh nhất chợ. Bọn con trai thường hay quanh quẩn chỗ cô ngồi và buông lời chòng ghẹo. Nhưng cô không để ý: Tâm thấy vững vàng ở giá trị lòng cao quý của mình. Nàng đã đảm đang nuôi cả một nhà, với lại, trừ phi là cô gái hư không kể, còn ai ở địa vị nàng cũng phải tảo tần buôn bán như thế. Làm việc, đối với Tâm, là cái lệ chung của người ta. Cô thấy chung quanh toàn những người đàn bà chịu khó làm ăn vất vả để nuôi chồng, nuôi con. Không bao giờ Tâm nghĩ cho mình, cho cuộc đời riêng của cô.

...

Trong nhà đã ngủ yên tĩnh cả rồi. Trên án thư, bên cạnh ngọn đèn hoa kì, chồng sách và cái ống bút của Lân, Ái che khuất ánh sáng. Các em nàng! Những đứa em thông minh và ngoan ngoãn quá. Không biết nàng có tảo tần mãi được để kiếm tiền mua giấy bút cho chúng ăn học không? Tâm mơ màng nghĩ đến sự thành công của các em sau này: đỗ đạt rồi đi làm trên tỉnh giúp thầy mẹ. Nhà nàng lại được sung túc và mát mẻ như xưa.

Tất cả những nỗi lo lắng lui đi và tâm hồn giản dị của thiếu nữ được nghỉ ngơi yên tĩnh.
(...)

(Trích truyện ngắn **Cô hàng xén**, Tuyển tập Thạch Lam)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Câu chuyện trong văn bản được kể theo ngôi kể nào?

Câu 2. Nhân vật Tâm làm công việc gì?

Câu 3. Chi tiết sau góp phần thể hiện điều gì trong tính cách của nhân vật Tâm?

“Tâm ngắm nghía các nét mặt xinh xắn, những con mắt ngây thơ lóng lánh dưới mái tóc tơ của các em: cô thấy lòng đầm ấm và tự kiêu, lòng người chị chịu khó nhọc để kiếm tiền nuôi các em ăn học. Cô hỏi han sách vở của thằng Lân và thằng Ái, học lớp 3 ở trường làng.”

Câu 4. Trong câu văn sau: “*Cô ngấm nghĩa trên tay cái ống sáp con bằng đồng – hào rười một cái – đựng một chất đồ thơm làm thắm tươi môi các thiếu nữ ở trên tỉnh.*” tác giả đã sử dụng phép tu từ gì và nó có tác dụng biểu đạt như thế nào?

Câu 5. Anh/chị có quan điểm như thế nào về suy nghĩ của nhân vật Tâm “*Không bao giờ Tâm nghĩ cho mình, cho cuộc đời riêng của cô.*”?

Câu 6. Từ nội dung văn bản Đọc hiểu, anh/chị hãy rút ra bài học có ý nghĩa nhất cho bản thân (Viết đoạn văn khoảng 5-7 dòng)

Đề 2. Đọc đoạn trích sau:

Như Từ, từ khi bỏ nhà đi thám thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay màu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vắng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn băng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. Một hôm trông ra bể, thấy một chiếc tàu buôn đi về phương Nam. Từ trở bảo Giáng Hương rằng:

- Nhà tôi đi về phía kia kìa, song biển cả trời xa, chẳng biết là ở tận đâu.

Rồi nhân lúc rồi, chàng nói với nàng rằng:

- Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cỏ héo hon, dám xin thể tình mà cho được tạm về, chẳng hay ý nàng nghĩ thế nào?

Giáng Hương bùi ngùi không nổi dứt. Từ lang nói:

- Tôi xin hẹn trong một thời kỳ bao nhiêu lâu, để về cho bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, sẽ lại đến đây để với nàng cùng già ở chốn làng mây bến nước.

Giáng Hương khóc mà nói:

- Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, kiếp trần ngắn ngủi, dù nay chàng về nhưng chỉ e liễu sân hoa vườn, không còn đâu cảnh tượng như ngày trước nữa.

Nàng nhân thưa với phu nhân, phu nhân nói:

- Không ngờ chàng lại mắc mớ vì mối lòng trần như vậy.

Nhân cho một cỗ xe cưỡi vâng để chàng cưỡi về. Nàng cũng đưa cho chàng một bức thư viết vào lụa mà nói:

- Ngày khác trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình ngày cũ.

Rồi tràn nước mắt mà chia biệt.

Chàng đi chỉ thoát chốc đã về đến nhà, thì thấy vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thấy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc màu xanh thủa nọ. Bèn đem tên họ mình hỏi thăm những người già cả thì thấy có người nói:

- Thuở bé tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi mất đến nay đã hơn 80 năm, nay đã là năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh là đời ông vua thứ ba của triều Lê rồi.

Chàng bấy giờ mới hậm hực búi ngủ; muốn lại lên xe mây để đi, nhưng xe đã hóa làm một con chim loan mà bay mất. Mở thư ra đọc, thấy có câu: "Kết lưà phượng ở trong mây, duyên xưa đã hết, tìm non tiên ở trên bể dip khác còn đâu!" mới biết là Giáng Hương đã nói trước với mình những lời ly biệt. Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngấn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.

(Trích *Từ Thức, Truyền kỳ mạn lục*, bản dịch của Trúc Khê - Ngô Văn Triện. NXb Trẻ & Hội

Nghiên cứu giảng dạy văn học TP. HCM, in lại năm 1988)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của đoạn trích.

Câu 2. Liệt kê 2 chi tiết có tính chất kì ảo trong đoạn trích

Câu 3. *Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trắng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vắng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn băng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được; Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cô héo hon, dám xin thể tình mà cho được tạm về...*

Những câu văn trên cho thấy đặc điểm nào của ngôn ngữ truyện truyền kì?

Câu 4. Lí giải sự lựa chọn của Từ Thức: Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngấn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.

Câu 5. Rút ra một thông điệp có ý nghĩa từ văn bản.

Đề 3.

Đất quên

Lò Văn Pành là ông già nổi tiếng ở bản Hua Tát. Hơn tám mươi tuổi, hàm răng của ông vẫn còn đều tăm tắp như răng chàng trai mười bảy tuổi. Cối đá giã gạo, ông dùng một tay cử lên như bốn. ông làm bằng ba người khác. Uống rượu cũng vậy, sức ông có thể chấp nổi muôn người. Tráng đình trong bản Hua Tát nhìn ông kiêu ngạo. Ông Pành có ba vợ, tám đứa con và khoảng ba chục đứa cháu. Họ sống hòa thuận và khá sung túc. Gia đình cũng giống như những lò than, các cục than có sức tỏa ấm cho nhau nhưng rồi sau đó lại thiêu đốt nhau. Gia đình nào mà chẳng thế?

Sẽ không có chuyện gì xảy ra nếu như ông Pành chỉ sống quanh quẩn ở trong thung lũng Hua Tát. Nhưng dùng một cái, ông bỗng nảy sinh ý định đi về Mường Lưm mua trâu. Thực ra nếu chỉ mua trâu chẳng phải vất vả nhiều đến thế, chỉ cần sang bản Chi, bản Mạt, ông Pành có thể

mua được những con trâu cày hạng nhất. Nhưng Mường Lưm là nơi thời trẻ ông Pành ở đó. Ký ức xa xưa sống dậy trong ông.

Mường Lưm là vùng đất xa xôi hẻo lánh tận cuối Châu Yên. Tiếng Thái Mường Lưm nghĩa là đất quên. ở đây có những khu rừng nguyên sinh từ thời thượng cổ, cây cối bạt ngàn, chim thú nhiều vô kể.

Hôm ấy, ông Pành cưỡi ngựa đến gần Mường Lưm thì trời đã tối. Một cơn mưa đá dữ dội ập đến. Ông Pành nhìn quanh xem có chỗ nào trú được nhưng chỉ mênh mông rất đồi cỏ gianh lá sắc như dao. Đá ở trên cao ào ào trút xuống. Con ngựa sợ hãi không chịu đi nữa, miệng nó hí vang, móng cào xuống đất.

Ông Pành nhảy vội xuống ngựa, miệng chửi rủa, ông chưa bao giờ thấy trận mưa nào dữ dội đến thế. Gió to quá, những giọt mưa đá quất vào người ông đau điếng. Đêm dần ập xuống, sấm sét rền vang làm đất rung chuyển, con ngựa dử dử dây cương chạy vụt xuống đồi. ông Pành định đuổi theo thì bỗng nhiên thấy có bóng đen nhỏ chạy về phía mình. ông định thân lại. Đây là cô gái đi làm nương về, gặp mưa bất thần, nàng sợ hãi vừa chạy vừa ngã, luôn miệng kêu trời. Gặp ông Pành, nàng kiệt sức ngã quỵ vào tay ông.

Mưa như trút, những cục đá văng như đạn ghém. ông Pành đứng lom khom che chở cho cô gái, cô gái úp mặt vào hai bàn tay, toàn thân run rẩy. Cô tựa vào bộ ngực trần vạm vỡ của ông tin cậy. ông Pành an ủi:

– Đừng sợ...đừng sợ...Cơn giận của Then sẽ qua đi thôi...

Họ đứng như thế giữa đồi cỏ gianh, xung quanh mưa đá sấm rền. Ông Pành ngợp trong điệu huyền. Cả cuộc đời từng trải của ông, ông chưa bao giờ có cảm giác ấy. Ông biết đây chính là điều ông vẫn hằng khao khát mong tìm. Hơn cả tình yêu, hơn cả những người phụ nữ mà ông đã gặp, cảm giác này như là hạnh phúc.

Khi trời mưa tạnh thì trên cao bắt đầu le lói một thứ ánh hồng mờ ảo. Cô gái ngượng ngập rút tay ra khỏi bàn tay ông Pành. ông chưa bao giờ thấy ai lại đẹp như vậy. Nàng vùng chạy. Ông luống cuống đuổi theo, vấp ngã nhưng rồi cuối cùng ông nắm được tay nàng.

– Em tên là gì? – Ông hỏi. – Ngày mai ta đến cầu hôn... Em có bằng lòng ta không? Cô gái bối rối, mãi sau nàng mới đáp ứng:

– Em là Muôn... Ở bản Mường Lưm...

Nàng đẩy ông ra rồi chạy xuống đồi, đôi bắp chân trắng nõn nà. Ông Pành ngồi thụp xuống đất, mồ hôi vã ra, bủn rủn. Một niềm sung sướng tràn ngập lòng ông. Ông nằm vật ra giữa đám cỏ gianh ướt sũng, mặc cho những con kiến đen to tướng bò lung tung trên tấm ngực trần. Ông thiếp đi cho đến lúc con ngựa tinh khôn tìm thấy ông, lấy cái miệng nóng hôi nhay nhay vào cái tai to, có những chùm lông đen loăn xoăn của ông để lôi dậy.

Trưa hôm sau, ông Pành dắt ngựa vào bản tìm đến nhà Muôn. Ông quỳ xuống, chõng cả đồng bạc hoa xòe dự định mua trâu cho ông bố Muôn. Biết lời cầu xin của khách, bố Muôn cười vang, ông gọi vợ con và dân bản đến. Mọi người cười cợt bàn tán. Ông Pành vẫn cứ trơ trơ giữa lời nhạo báng sắc tựa dao chích. Muôn nấp sau khe cửa nhìn ra. Nàng thấy hay hay và thấy câu chuyện còn có vẻ buồn cười nữa. Quả thật, nàng đã quên khuấy đi cơn mưa đá đêm qua, những giọt nước mắt và cuộc gặp gỡ trên đồi.

Một mực khăng khăng, ông Pành nhắc đi nhắc lại những lời cầu hôn. Thực quá đáng, mọi người không thể còn cười được nữa. Cuối cùng, bố Muôn đành phải đặt ra điều kiện:

– Thôi được, ông muốn làm rể tôi thì ông ở đây làm sao hạ được cây gỗ lim to nhất ở đỉnh Phu Lương mang về. Cây gỗ ấy sau này sẽ là căn nhà của ông và con Muôn đấy...

Mọi người lại cười phá lên. Không ai ở đây không biết cây gỗ lim ấy, vòng gốc của cây gỗ lim tám người đứng ôm không xuể. Nó mọc trên đỉnh núi đá vôi cao đến nỗi đứng ở trên ấy nhìn xuống thì bản Mường Lưm chỉ bé như mái nhà sàn.

– Được! Xin ông hãy giữ lấy lời! – ông Pành trả lời như dao chém đá.

Người ta đồn rằng hôm sau ông Pành leo lên đỉnh núi, bập được nhát rìu đầu tiên vào gốc cây lim thì ông kiệt sức. Ông chết vì bị vỡ tim.

Đám tang ông Pành, Muôn không đi đưa. Hôm ấy nàng bận đi chợ Yên Châu xem đám chơi gà. Chiều về nàng cũng gặp mưa, nhưng mà lần này trời không mưa đá.

(Trích *Những ngọn gió Hua Tát* - Mười truyện trong bản nhỏ - Nguyễn Huy Thiệp, NXB Văn học, 2001)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Câu chuyện được kể theo những điểm nhìn nào?

Câu 2. Tìm chi tiết kỳ ảo thể hiện vẻ đẹp ngoại hình của ông Pành.

Câu 3. Nêu ý nghĩa của chi tiết: *Ông Pành ngợp trong điệu huyền. Cả cuộc đời từng trải của ông, ông chưa bao giờ có cảm giác ấy.*

Câu 4. Nhận xét ngắn gọn vai trò của nhan đề đối với chủ đề, tư tưởng của truyện.

Câu 5. Giả sử cần rút ra một bài học có ý nghĩa từ văn bản thì anh/chị rút ra bài học gì?

III. DẠNG CÂU HỎI VIẾT

1. VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Viết đoạn văn khoảng 150 chữ phân tích vẻ đẹp của nhân vật ông Pành. (ĐỀ 3)

2. VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Đề 1. Trong cuốn sách *Đủ nắng thì hoa nở*, tác giả Ba Gàn viết: “Đừng tìm bình an, mà hãy chủ động an bình trước mọi hoàn cảnh”.

Từ câu nói trên, hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về cách sống chủ động của con người trong hội hiện đại.

Đề 2

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: Người trẻ có quyền được thử và sai lầm.